



CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Quy tắc này áp dụng cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy thuộc phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Quy tắc này còn được vận dụng khi có thỏa thuận riêng trong hợp đồng bảo hiểm cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển từ Việt Nam đi các nước lân cận và vận chuyển từ nước ngoài về được phép quá cảnh qua Việt Nam để sang các nước lân cận bằng các phương tiện vận tải nói trên.

Chương II

PHẠM VI BẢO HIỂM

Điều 3. Trừ những trường hợp loại trừ quy định tại Chương III dưới đây, Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (dưới đây gọi tắt là Người bảo hiểm) chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hóa được bảo hiểm do hậu quả trực tiếp của một trong những nguyên nhân sau đây:

1. Cháy hoặc nổ;
2. Động đất, bão lụt, gió lốc, sóng thần và sét đánh;
3. Phương tiện vận chuyển bị đắm, bị lật đổ, bị rơi, mắc cạn, đâm va nhau hoặc đâm va vào vật thể khác hay bị trật bánh;
4. Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ;
5. Phương tiện chở hàng mất tích;
6. Hy sinh tổn thất chung.

Điều 4. Trường hợp xảy ra tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của Người bảo hiểm như nói trên, Người bảo hiểm còn phải chịu trách nhiệm đối với những chi phí sau đây:

1. Những chi phí hợp lý do người được bảo hiểm, người làm công hay đại lý của họ đã chi ra nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hóa được bảo hiểm;
2. Những chi phí hợp lý cho việc dỡ hàng, lưu kho và gửi tiếp hàng hóa được bảo hiểm tại một nơi dọc đường đi do hậu quả của rủi ro thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm;
3. Những chi phí hợp lý cho việc giám định và xác định số tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm;
4. Những chi phí tổn thất chung và chi phí cứu hộ.

Chương III

LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Điều 5. Trừ khi có thỏa thuận khác, Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng hay chi phí gây ra bởi:

1. Chiến tranh, đình công, nội chiến, cách mạng, khởi nghĩa, phản loạn hoặc quần chúng nổi dậy, cướp, mìn, thủy lôi, bom hoặc các dụng cụ chiến tranh khác;
2. Hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của phóng xạ hay nhiễm phóng xạ phát sinh từ việc sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ tương tự;
3. Hành động xấu cố ý hay hành vi phạm pháp của người được bảo hiểm hay người làm công cho họ;



4. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí do khuyết tật vốn có hoặc do tính chất đặc thù của loại hàng hóa được bảo hiểm;
5. Xếp hàng quá tải đối với hàng chở nguyên chuyến;
6. Đóng gói sai quy cách, bao bì không thích hợp hoặc hàng bị hỏng từ trước khi xếp lên phương tiện vận chuyển;
7. Rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hay giảm thể tích thông thường của hàng hóa được bảo hiểm trong quá trình vận chuyển;
8. Phương tiện vận chuyển không đủ khả năng lưu hành, không đảm bảo an toàn giao thông;
9. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí có nguyên nhân trực tiếp do chậm trễ, dù chậm trễ đó do một rủi ro được bảo hiểm;
10. Hàng hoá bị tổn thất trước khi cấp đơn bảo hiểm;
11. Hàng hóa chở quá địa điểm kết thúc hành trình ghi trên đơn bảo hiểm.

Chương IV

BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 6. Trừ những trường hợp loại trừ đã quy định tại Điều 5 trên đây, trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực từ khi hàng hóa được bảo hiểm được xếp lên phương tiện chuyên chở tại địa điểm xuất phát ghi trong hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển, tiếp tục có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường và kết thúc vào lúc hàng hóa được dỡ khỏi phương tiện chuyên chở tại nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Điều 7. Trong quá trình vận chuyển nói trên nếu vì những sự cố đã nêu ở Điều 3 Quy tắc này mà hàng hóa bắt buộc phải chuyển tải hoặc thay đổi hành trình thì bảo hiểm này vẫn giữ nguyên hiệu lực với điều kiện người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho Người bảo hiểm biết về việc xảy ra hoặc thay đổi đó và phải trả thêm phí bảo hiểm theo thỏa thuận.

Chương V

THỦ TỤC BẢO HIỂM, SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ BẢO HIỂM

Điều 8.

1. Khi có nhu cầu bảo hiểm, người có nhu cầu phải làm giấy yêu cầu bảo hiểm trong đó ghi rõ:
 - a) Tên người được bảo hiểm;
 - b) Tên hàng hóa, loại bao bì, cách đóng gói, ký mã hiệu của hàng hóa được bảo hiểm;
 - c) Trọng lượng, số lượng hàng hóa và giá trị hàng hóa được bảo hiểm;
 - d) Hành trình vận chuyển (nơi đi - nơi đến và nơi chuyển tải nếu có);
 - e) Tên chủ phương tiện, loại phương tiện và số đăng ký của các phương tiện vận chuyển;
 - f) Ngày, tháng phương tiện vận chuyển khởi hành và dự kiến ngày đến;
2. Người bảo hiểm sẽ căn cứ vào giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp Đơn bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm;
3. Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho Người bảo hiểm ngay khi nhận được Đơn bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm. Người bảo hiểm chỉ bồi thường khi đã nhận được phí bảo hiểm trước khi tổn thất xảy ra (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản);



4. Nếu sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết mà có bất kỳ thay đổi nào về những thông tin đã cung cấp liên quan đến lô hàng được bảo hiểm thì người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho Người bảo hiểm biết ngay khi họ biết được sự thay đổi đó. Khi nhận được thông báo này, Người bảo hiểm sẽ cấp Giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm.

Điều 9. Nếu người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong giấy yêu cầu bảo hiểm hay những sự việc thay đổi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, thì Người bảo hiểm được miễn một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm đã quy định trong hợp đồng bảo hiểm mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm.

Điều 10. Đơn bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được chuyển nhượng cho một người khác sau khi người được bảo hiểm hay đại diện có thẩm quyền của họ ký ở mặt sau Đơn bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 11. Số tiền bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm phải là giá trị của hàng hóa do người được bảo hiểm kê khai và được Người bảo hiểm thừa nhận.

Nếu người được bảo hiểm không khai báo được số tiền bảo hiểm thì có thể áp dụng cách tính giá trị bảo hiểm như sau: Giá trị bảo hiểm bao gồm giá tiền hàng ghi trên hóa đơn (hoặc giá hàng thực tế tại nơi gửi hàng nếu không có hoá đơn) cộng chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm.

Trừ khi có thỏa thuận khác, trong số tiền khai báo, người được bảo hiểm có thể tính gộp cả tiền lãi ước tính. Tuy nhiên tiền lãi này không được vượt quá 10% giá trị bảo hiểm.

Chương VI

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM KHI XẢY RA TỖN THẤT

Điều 12. Trường hợp xảy ra tổn thất cho hàng hóa thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm như trong Điều 3 Quy tắc này, người được bảo hiểm, người làm công cho họ hoặc đại diện của họ phải:

1. Khai báo ngay cho cơ quan chức trách địa phương để xử lý và lập biên bản theo luật lệ hiện hành.

2. Thông báo ngay cho Người bảo hiểm hay đại diện của họ tại địa phương gần nhất đến giám định trong thời gian sớm nhất.

3. Phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để cứu chữa và bảo quản hàng hóa nhằm hạn chế tổn thất.

4. Làm các thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền đòi bồi thường đối với người chuyên chở hay người thứ ba khác có trách nhiệm đối với tổn thất, mất mát hàng hóa trong tai nạn đó.

Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu người được bảo hiểm không thi hành đầy đủ những nghĩa vụ trên.

Điều 13. Đề đòi bồi thường, người khiếu nại phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với đối tượng được bảo hiểm vào thời gian xảy ra tổn thất và đã thực sự chịu tổn thất thực tế đó.

Khi khiếu nại Người bảo hiểm về những mất mát hư hỏng thuộc trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, người được bảo hiểm cần nộp đủ những giấy tờ chứng minh sau:

1. Bản chính Đơn bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm;

2. Bản chính hợp đồng vận chuyển, giấy vận chuyển hàng hóa do chủ phương tiện cấp;

3. Hóa đơn bán hàng kèm theo bản kê chi tiết hàng hóa, phiếu ghi trọng lượng và số lượng hàng hóa;

4. Biên bản giám định hàng tổn thất có ghi rõ mức độ tổn thất;

5. Biên bản điều tra tai nạn của cơ quan chức trách địa phương;

6. Văn bản khiếu nại người chuyên chở hay người thứ ba khác về trách nhiệm đối với tổn thất do họ gây ra;

7. Thư đòi bồi thường.



Chương VII

XÁC ĐỊNH TỔN THẤT

Điều 14.

1. Tổn thất toàn bộ nói trong quy tắc này bao gồm tổn thất toàn bộ ước tính và tổn thất toàn bộ thực tế.

a) Khi xảy ra mất mát, hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm, nếu hàng hóa được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hay hư hỏng nghiêm trọng tới mức không còn là vật phẩm với tính chất ban đầu của nó hoặc người được bảo hiểm bị mất quyền sở hữu hàng hóa thì được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.

b) Khi hàng hóa được bảo hiểm bị mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm, nếu xét thấy không tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực tế hoặc do các chi phí cứu hàng, chi phí chính lý và gửi hàng đến nơi nhận ghi trong hợp đồng bảo hiểm có thể vượt quá giá trị hàng khi tới nơi nhận đó thì được coi là tổn thất toàn bộ ước tính.

2. Bat ky trường hợp mất mát hay hư hỏng nào không thuộc loại tổn thất đã nói ở khoản 1 Điều này đều được coi là tổn thất bộ phận.

Điều 15. Nếu phương tiện chở hàng bị mất tích thì hàng hóa được bảo hiểm sẽ được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.

Phương tiện vận chuyển hàng được coi là mất tích khi không tới được nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm và cũng không có tin tức gì về phương tiện đó. Thời gian cần thiết để xác định việc phương tiện chuyên chở bị mất tích không ít hơn 3 tháng kể từ ngày dự tính phương tiện chuyên chở đến nơi ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Chương VIII

CÁCH TÍNH VÀ THANH TOÁN BỒI THƯỜNG

Điều 16. Khi hàng hóa bảo hiểm bị tổn thất bộ phận thì số tiền bồi thường sẽ được tính trên cơ sở mức độ tổn thất nhân với số tiền bảo hiểm. Mức độ tổn thất sẽ được xác định bằng cách lấy số chênh lệch giữa tổng giá trị của hàng khi còn nguyên vẹn và khi bị tổn thất tại cảng dỡ hàng chia cho tổng giá trị hàng khi còn nguyên vẹn tại cảng dỡ hàng hoặc nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Điều 17. Trách nhiệm của Người bảo hiểm chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm.

Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa thấp hơn giá trị bảo hiểm thì Người bảo hiểm chỉ bồi thường những mất mát, hư hỏng và các chi phí như đã quy định ở Điều 3 và Điều 4 Chương II theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm.

Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa cao hơn giá trị bảo hiểm thì phần cao hơn đó không được thừa nhận.

Điều 18. Người bảo hiểm có quyền được miễn trách nhiệm quy định trong hợp đồng bảo hiểm bằng cách khước từ quyền lợi về hàng hóa bảo hiểm và quyền khiếu nại người thứ ba, đồng thời bồi thường cho người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bảo hiểm.

Điều 19. Trường hợp phải tuân thủ ý kiến của Người bảo hiểm để thực hiện các biện pháp để phòng tổn thất thì Người bảo hiểm phải thanh toán cho người được bảo hiểm những chi phí hợp lý và cần thiết khi áp dụng biện pháp này dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.

Điều 20.



1. Thời hạn thanh toán bồi thường của Người bảo hiểm là 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại hợp lệ, và không kéo dài quá 30 ngày trong trường hợp phải tiến hành xác minh thêm hồ sơ.

Trường hợp từ chối bồi thường, Người bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho người được bảo hiểm biết lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại.

2. Khi thanh toán tiền bồi thường, Người bảo hiểm có thể khấu trừ vào tiền bồi thường các khoản thu nhập của người được bảo hiểm trong việc bán hàng hóa cứu được và đòi người thứ ba.

3. Trường hợp phương tiện vận chuyển bị mất tích, hàng hóa đã được coi là tổn thất toàn bộ hoặc hàng bị mất mà sau khi đã bồi thường lại tìm thấy thì số hàng đó sẽ thuộc quyền sở hữu của Người bảo hiểm và được xử lý theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Chương IX

CHUYỂN QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG VÀ VIỆC TỪ BỎ HÀNG HÓA

Điều 21.

1. Sau khi thanh toán bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm, mọi khoản khiếu nại và quyền khiếu nại của người được bảo hiểm đối với người thứ ba để được chuyển cho Người bảo hiểm mà giới hạn là số tiền bồi thường.

Ngay khi nhận được tiền bồi thường của Người bảo hiểm, người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho Người bảo hiểm quyền đòi người thứ ba bồi thường và các chứng từ cần thiết liên quan đến việc đó

2. Nếu người được bảo hiểm bỏ qua quyền đòi người thứ ba hoặc nếu do lỗi của họ mà không thể thực hiện được quyền này (như hết hạn khiếu nại người chịu trách nhiệm về tổn thất...), thì Người bảo hiểm sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường với một mức độ thích hợp và nếu việc bồi thường của bảo hiểm đã được giải quyết thì người được bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn lại cho Người bảo hiểm một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường mà họ đã nhận được, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 22. Sau khi Người bảo hiểm bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ (có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm) họ còn có quyền thu hồi những gì còn lại của phẩm hàng hóa đã được bồi thường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 23.

1. Trường hợp người được bảo hiểm muốn khiếu nại tổn thất toàn bộ ước tính cho hàng hóa được bảo hiểm thì họ phải gửi thông báo từ bỏ hàng cho Người bảo hiểm. Nếu không thực hiện theo quy định này thì tổn thất chỉ được giải quyết theo hình thức bồi thường tổn thất bộ phận.

2. Thông báo từ bỏ hàng làm bằng văn bản và trong mọi trường hợp phải nêu rõ ý định của người được bảo hiểm là từ bỏ không điều kiện mọi quyền lợi về hàng hóa được bảo hiểm cho Người bảo hiểm.

3. Trường hợp thông báo từ bỏ hàng được gửi theo đúng quy định thì quyền khiếu nại của người được bảo hiểm không bị phương hại bởi việc Người bảo hiểm từ chối chấp nhận từ bỏ hàng. Khi thông báo từ bỏ hàng đã được chấp nhận thì việc từ bỏ hàng không còn thay đổi khác được.

Chương X

KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

Điều 24.

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là một năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.



2. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là ba năm, riêng đối với trường hợp vận chuyển ven biển là hai năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Điều 25. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra tổ chức Trọng tài do các bên thỏa thuận hoặc Tòa án tại Việt Nam để giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.